

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 02 - 8 - 2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Hồng Thơm;

2. Ông Vũ Xuân Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 03, xã XV, huyện XT, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 01, xã XV, huyện XT, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên toà có mặt bà K; vắng mặt bà T).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn bà Đoàn Thị K trình bày: Bà và bà T có quan hệ họ hàng, trước đây bà T có nhờ bà vay hộ và bà đã cho bà T vay 32.000.000 đồng tiền gốc cụ thể:

Ngày 05/4/2019 âm lịch cho vay 5.000.000 đồng, hạn 02 tháng trả;

Ngày 10/4/2019 cho vay 5.000.000 đồng hạn 20 ngày thanh toán đầy đủ;

Ngày 30/5/2019 âm lịch cho vay 5.000.000 đồng;

Ngày 06/7/2019 âm lịch cho vay 15.000.000 đồng sau đó bà T vay thêm 2.000.000 đồng nữa.

Những lần vay này bà T đều trực tiếp viết giấy biên nhận cho bà, lãi suất thoả thuận miệng là 10%/năm. Từ khi cho vay bà T mới trả được tổng là

4.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả được đồng tiền gốc nào, bà đã rất nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả mà cứ khất lần. Trong giấy vay nợ ngày 06/7/2019 âm lịch ở dòng cuối cùng có ghi vay thêm 2.000.000 đồng nhưng không có chữ ký của bà T. Nay bà không yêu cầu về khoản cho vay 2.000.000 đồng này, bà chỉ yêu cầu bà T trả bà số tiền gốc đã có chữ ký xác nhận của bà T là 30.000.000 đồng, bà không yêu cầu lãi suất nữa.

\* Bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập làm việc nhưng bà T không nhận văn bản tố tụng, không hợp tác với Tòa án. Trong bản tường trình ngày 23/5/2023, bà T trình bày có nội dung: Do thiếu tiền đã vay bà K 5.000.000 đồng, đã trả lãi gần 2 năm và trả gốc hết 5.000.000 đồng, bà K cộng lãi mẹ, lãi con vào bắt bà trả tiếp vì lãi cao bà có khất lại bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà T trả bà K số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T vay tiền bà K đã có chữ ký xác nhận của bà T (bản gốc) thể hiện trong giấy biên nhận bà K nộp cho Tòa án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định từ ngày 05/4/2019 âm lịch đến ngày 06/7/2019 âm lịch bà T đã vay tiền của bà K là sự việc có thật.

[3] Phía bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải xuất trình giấy biên nhận gốc, tuy nhiên khi nguyên đơn xuất trình giấy biên nhận gốc thì bị đơn không hợp tác, không đến làm việc theo giấy triệu tập. Theo lời trình bày của bị đơn thì bị đơn đã trả hết tiền vay và trả lãi cao cho nguyên đơn tuy nhiên bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K về việc kiện đòi nợ bà T là hợp pháp. Nay bà K tự nguyện chỉ

yêu cầu bà T trả bà K tổng số tiền gốc 30.000.000 đồng (chứ không phải 32.000.000 đồng), không yêu cầu tính lãi, xét thấy yêu cầu của bà K là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị K đối với bà Trần Thị T

2. Buộc bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả nợ bà Đoàn Thị K số tiền nợ gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải nộp 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003220 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã XV;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thung**